



CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Địa chỉ: Số 02 An Đà - P. Gia Viên - TP. Hải Phòng

ĐT : 0225 3813979- 0225 3640 973 - Fax: 0225.3813989

E-mail: contact@nhuatienphong.vn

Web: Nhuatienphong.vn

**BẢNG GIÁ SẢN PHẨM PHỤ TÙNG NHỰA HDPE ÉP PHUN
THEO TIÊU CHUẨN ISO4427-3:2019**

(Thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo thay đổi)

STT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
	Đầu nối thẳng				
1	20	16.0	cái	27,700	29,916
2	25	16.0	cái	41,500	44,820
3	32	16.0	cái	53,800	58,104
4	40	16.0	cái	79,900	86,292
5	50	16.0	cái	104,000	112,320
6	63	16.0	cái	137,000	147,960
7	75	10.0	cái	219,000	236,520
8	90	10.0	cái	382,400	412,992
	Đầu nối thẳng chuyên bậc				
9	25-20	16.0	cái	41,200	44,496
10	32-20	16.0	cái	57,100	61,668
11	32-25	16.0	cái	58,000	62,640
12	40-20	16.0	cái	59,700	64,476
13	40-25	16.0	cái	62,400	67,392
14	40-32	16.0	cái	70,900	76,572
15	50-25	16.0	cái	72,900	78,732
16	50-32	16.0	cái	74,900	80,892
17	50-40	16.0	cái	94,000	101,520
18	63-20	16.0	cái	99,300	107,244
19	63-25	16.0	cái	117,600	127,008
20	63-40	16.0	cái	129,900	140,292
21	63-50	16.0	cái	131,400	141,912
22	75-50	10.0	cái	212,700	229,716
23	75-63	10.0	cái	248,200	268,056
24	90-63	10.0	cái	284,200	306,936
25	90-75	10.0	cái	382,900	413,532
	Đầu nối bằng bích				
26	40	10.0	cái	22,800	24,624
27	50	10.0	cái	32,600	35,208
28	63	10;16	cái	72,700	78,516
29	75	10;16	cái	115,200	124,416
30	90	10;16	cái	172,900	186,732
31	110	10;16	cái	230,000	248,400
32	125	10;16	cái	280,700	303,156
33	140	10;16	cái	358,900	387,612
34	160	10;16	cái	428,400	462,672
35	180	10;16	cái	716,300	773,604

STT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
	Nối góc 90 độ				
36	20	16.0	cái	34,300	37,044
37	25	16.0	cái	39,200	42,336
38	32	16.0	cái	53,800	58,104
39	40	16.0	cái	85,600	92,448
40	50	16.0	cái	110,700	119,556
41	63	16.0	cái	185,900	200,772
42	75	10.0	cái	256,900	277,452
43	90	10.0	cái	436,900	471,852
	Nối góc 45 độ				
48	63	16.0	cái	174,700	188,676
	Nối góc ren ngoài				
49	20-1/2"	16.0	cái	20,300	21,924
50	20-3/4"	16.0	cái	20,300	21,924
51	25-1/2"	16.0	cái	24,100	26,028
52	25-3/4"	16.0	cái	23,000	24,840
53	32-1"	16.0	cái	37,900	40,932
54	40x1.1/4"	16.0	cái	67,000	72,360
55	50x1.1/2"	16.0	cái	96,300	104,004
56	63x2"	16.0	cái	149,000	160,920
	Ba chạc 90 độ				
57	20	16.0	cái	34,900	37,692
58	25	16.0	cái	50,000	54,000
59	32	16.0	cái	57,900	62,532
60	40	16.0	cái	113,000	122,040
61	50	16.0	cái	181,200	195,696
62	63	16.0	cái	217,100	234,468
63	75	10.0	cái	344,300	371,844
64	90	10.0	cái	642,400	693,792
	Ba chạc 90 độ chuyên bậc				
65	25-20	16.0	cái	63,600	68,688
66	32-20	16.0	cái	86,300	93,204
67	32-25	16.0	cái	87,300	94,284
68	40-20	16.0	cái	103,400	111,672
69	40-25	16.0	cái	113,600	122,688
70	40-32	16.0	cái	106,000	114,480
71	50-25	16.0	cái	125,900	135,972
72	50-32	16.0	cái	160,500	173,340
73	50-40	16.0	cái	155,400	167,832
74	63-25	16.0	cái	178,900	193,212
75	63-32	16.0	cái	181,500	196,020
76	63-40	16.0	cái	189,800	204,984
77	63-50	16.0	cái	192,200	207,576
78	75-50	10.0	cái	379,400	409,752
79	75-63	10.0	cái	343,900	371,412
80	90-63	10.0	cái	612,700	661,716
81	90-75	10.0	cái	651,396	711,396

STT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
	Đầu bịt				
82	20	16.0	cái	14,100	15,228
83	25	16.0	cái	16,300	17,604
84	32	16.0	cái	27,700	29,916
85	40	16.0	cái	48,300	52,164
86	50	16.0	cái	69,300	74,844
87	63	16.0	cái	103,900	112,212
88	75	10.0	cái	157,100	169,668
89	90	10.0	cái	249,200	269,136
	Khâu nối ren ngoài				
90	20-1/2"	16.0	cái	19,500	21,060
91	20-3/4"	16.0	cái	19,500	21,060
92	25-1/2"	16.0	cái	22,600	24,408
93	25-3/4"	16.0	cái	22,600	24,408
94	25-1"	16.0	cái	22,600	24,408
95	32-3/4"	16.0	cái	27,200	29,376
96	32-1"	16.0	cái	27,400	29,592
97	32-1.1/4"	16.0	cái	28,000	30,240
98	40-1"	16.0	cái	48,100	51,948
99	40-1.1/4"	16.0	cái	48,100	51,948
100	40-1.1/2"	16.0	cái	46,200	49,896
101	40-2"	16.0	cái	52,200	56,376
102	50-1.1/4"	16.0	cái	84,300	91,044
103	50-1.1/2"	16.0	cái	56,700	61,236
104	50-2"	16.0	cái	85,600	92,448
105	63-1.1/2"	16.0	cái	98,600	106,488
106	63-2"	16.0	cái	99,700	107,676
107	63-2.1/2"	16.0	cái	98,100	105,948
108	75-2"	10.0	cái	158,000	170,640
109	75-2.1/2"	10.0	cái	149,700	161,676
110	90-2"	10.0	cái	220,300	237,924
111	90-2 1/2"	10.0	cái	227,400	245,592
112	90-3"	10.0	cái	243,100	262,548
	Khâu nối ren trong				
113	20-1/2"	16.0	cái	17,100	18,468
114	25-1/2"	16.0	cái	24,800	26,784
115	25-3/4"	16.0	cái	23,500	25,380
116	32-1"	16.0	cái	36,400	39,312
117	40-1.1/4"	16.0	cái	93,500	100,980
118	50-1.1/2"	16.0	cái	98,900	106,812
	Đai khởi thủy kiểu 1				
119	32-1/2"	16.0	cái	34,300	37,044
120	32-3/4"	16.0	cái	34,300	37,044
121	40-1/2"	16.0	cái	50,400	54,432
122	40-3/4"	16.0	cái	50,400	54,432
123	50-1/2"	16.0	cái	61,500	66,420
124	50-3/4"	16.0	cái	66,420	66,420

STT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
125	50-1"	16.0	cái	61,500	66,420
126	63-1/2"	16.0	cái	87,300	94,284
127	63-3/4"	16.0	cái	87,300	94,284
128	63-1"	16.0	cái	87,300	94,284
129	63-1.1/4"	16.0	cái	93,500	100,980
130	75-1/2"	16.0	cái	110,700	119,556
131	75-3/4"	16.0	cái	110,700	119,556
132	75-1"	16.0	cái	110,700	119,556
133	75-1.1/4"	16.0	cái	117,600	127,008
134	75-1.1/2"	16.0	cái	117,600	127,008
135	75-2"	16.0	cái	122,300	132,084
136	90-1/2"	16.0	cái	132,600	143,208
137	90-3/4"	16.0	cái	132,600	143,208
138	90-1"	16.0	cái	132,600	143,208
139	90-1.1/2"	16.0	cái	132,600	143,208
140	90-1.1/4"	16.0	cái	137,300	148,284
141	90-2"	16.0	cái	137,300	148,284
142	110-1/2"	16.0	cái	210,000	226,800
143	110-3/4"	16.0	cái	210,000	226,800
144	110-1"	16.0	cái	199,300	215,244
145	110-1.1/2"	16.0	cái	185,000	199,800
146	110-1.1/4"	16.0	cái	185,000	199,800
147	110-2"	16.0	cái	199,300	215,244
Đại khởi thủy ren trong đồng					
148	50 -1/2" E	16.0	cái	75,200	81,216
149	50 -3/4" E	16.0	cái	120,000	129,600
150	63 -1/2" E	16.0	cái	118,300	127,764
151	63 -3/4" E	16.0	cái	141,600	152,928
152	75 -1/2" E	16.0	cái	143,700	155,196
153	75 -3/4" E	16.0	cái	199,700	215,676
154	90 -3/4" E	16.0	cái	222,100	239,868
155	90 -1/2" E	16.0	cái	218,800	236,304
156	110 -1/2" E	16.0	cái	282,000	304,560
157	110 -3/4" E	16.0	cái	313,900	339,012
Đại khởi thủy kiểu 2					
158	50-20	16.0	cái	81,900	88,452
159	50-25	16.0	cái	92,400	99,792
160	63-20	16.0	cái	106,400	114,912
161	63-25	16.0	cái	116,400	125,712

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Chu Văn CamScanner